TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH BÌNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 29 – 4 – 2021
V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Hồng Biên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quốc Trí.

2. Ông Nguyễn Hoàng Minh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Trung là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Chí Phương là Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 300/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2020 về việc "*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1983.

Địa chỉ cư trú: Ấp PT, xã PTB, huyện HN, tỉnh ĐT.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Quốc V, sinh năm 1986.

HKTT: Ấp PT, xã PTB, huyện HN, tỉnh ĐT.

Địa chỉ cư trú: Ấp H, xã TQ, huyện TB, tỉnh ĐT.

Chị Nguyễn Thị D có mặt tại phiên tòa, anh Nguyễn Quốc V vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn chị Nguyễn Thị D trình bày:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Quốc V kết hôn năm 2016 và có đăng kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Thuận B, huyện Hồng

Ngự, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 14/9/2016. Hôn nhân giữa chị D và anh V được xây dựng trên cơ sở tự tìm hiểu.

Khoảng thời gian chung sống với nhau vợ chồng không hạnh phúc, đến giữa năm 2019 thì không còn sống chung với nhau, do anh V có quan hệ với người phụ nữ khác và không về chung sống với chị D. Chị D và anh V ly thân từ giữa năm 2019 đến nay, khoảng thời gian sống ly thân vợ chồng không có hàn gắn tình cảm với nhau. Hiện nay, tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không còn hạnh phúc.

Chị Nguyễn Thị D yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Quốc V.

- *Về con chung:* Chị D và anh V có một con chung tên Nguyễn Ngọc Quỳnh L, sinh ngày 17/11/2018. Hiện nay, cháu L đang sống chung với chị D. Chị D yêu cầu nuôi con chung tên Nguyễn Ngọc Quỳnh L, sinh ngày 17/11/2018, không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn anh Nguyễn Quốc V không có Văn bản ghi ý kiến gửi cho Tòa án.*

*** Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:**

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Riêng bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Việc giải quyết vụ án: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của chị Nguyễn Thị D.

- *Về hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị D với anh Nguyễn Quốc V.

- *Về con chung:* Giao con chung tên Nguyễn Ngọc Quỳnh L, sinh ngày 17/11/2018 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến trưởng thành, anh V không phải cấp dưỡng nuôi con, do chị D không yêu cầu.

Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án gồm:

- Giấy chứng nhận kết hôn (Bản chính).

- Trích lục khai sinh của Nguyễn Ngọc Quỳnh L (Bản sao);

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị D và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp là *"V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con"* theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Nguyễn Quốc V cư trú tại Ấp H, xã TQ, huyện TB, tỉnh ĐT nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Nguyễn Quốc V được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh V theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị D yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Quốc V.

Xét thấy, chị D và anh V kết hôn năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PTB, huyện HN, tỉnh ĐT vào ngày 14/9/2016, là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận.

Khoảng thời gian chung sống với nhau vợ chồng không hạnh phúc, đến giữa năm 2019 anh V có quan hệ với người phụ nữ khác và không về chung sống với chị D. Chị D và anh V ly thân từ giữa năm 2019 đến nay, khoảng thời gian sống ly thân vợ chồng không có hàn gắn tình cảm với nhau. Hơn nữa, chị D xác định, chị D và anh V không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau trong cuộc sống, không tạo điều kiện để cho nhau phát triển về mọi mặt.

Như vậy, có cơ sở xác định hôn nhân giữa chị D và anh V đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, chị Nguyễn Thị D yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Quốc V là phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị D yêu cầu được nuôi con chung tên Nguyễn Ngọc Quỳnh L, sinh ngày 17/11/2018.

Xét thấy, hiện nay chị D đang trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu Quỳnh L. Chị D xác định, chị D có việc làm, có thu nhập đảm bảo cho việc nuôi con. Do đó, để tránh việc thay đổi môi trường sống, để đảm bảo cho cháu Quỳnh L phát triển toàn diện cả vật chất lẫn tinh thần cần giao cháu Quỳnh L cho chị D nuôi dưỡng. Cho nên, chị D yêu cầu nuôi con chung tên Nguyễn Ngọc Quỳnh L, sinh ngày 17/11/2018 là có căn cứ chấp nhận.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị D không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị D xác định là không có, không yêu cầu giải quyết; anh V không có Văn bản ghi ý kiến gửi cho Tòa án yêu cầu

Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình về quan điểm giải quyết vụ án là đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị D là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị D phải chịu án phí về hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị D.

- *Về hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị D được ly hôn với anh Nguyễn Quốc V.

- *Về con chung:* Giao con chung tên Nguyễn Ngọc Quỳnh L, sinh ngày 17/11/2018 cho chị Nguyễn Thị D trực tiếp nuôi dưỡng, anh V không phải cấp dưỡng nuôi con, do chị D không yêu cầu.

Chị D và anh V được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số BH/2018/0001218 ngày 08/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp. Như vậy, chị D đã nộp xong tiền án phí về hôn nhân và gia đình.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- CC THA DS huyện Thanh Bình;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- UBND xã Phú Thuận B, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)
Võ Văn Hồng Biên